TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST Ngày: 05-9-2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

+Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Cường và bà Tô Thị Lành

-Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc *ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: 02 đường A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 10, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở: Đường W, tổ 2, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng sống hạnh phúc được hai năm đầu sau khi kết hôn, sau đó xảy ra những mâu thuẫn bất đồng, anh D hay đánh và chửi tôi, bản thân anh D không lo làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình, tôi đã chịu đựng nhiều năm nay vì nghĩ cho con nhưng anh D vẫn không thay đổi, nên chúng tôi đã sống ly thân từ hai năm nay không còn ai quan tâm đến ai. Nay

tôi xét thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh Nguyễn Văn D không còn, không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Văn D có với nhau 02 người con chung: Cháu Nguyễn Yến Hiền T, sinh ngày 19/02/2008 và cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/9/2012;

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Yến N, giao anh Nguyễn Văn D nuôi cháu Nguyễn Yến Hiền T, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn D quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập anh Nguyễn Văn D đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đã không chấp hành. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt mà không có lý do và không cung cấp chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét, không có lời khai tại hồ sơ.

***Kiểm sát viên có ý kiến:**

Về tố tụng : Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các đương sự nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn đã vi phạm pháp luật tố tụng dân sự, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D, giao cháu N cho chị N, giao cháu T cho anh D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên, trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn D tự do đăng ký kết hôn vào năm 2008, tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Quan hệ giữa chị N và anh D được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn D và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia

Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không chấp hành. Đến phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ý thức bỏ mặc cuộc hôn nhân, đã từ chối quyền được chứng minh phản đối yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn D. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau được khoảng thời gian hai năm đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau nên không còn tình nghĩa vợ chồng, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Chị Nguyễn Thị N xin ly hôn, anh D cũng đồng ý ly hôn khi ký tên vào đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành triệu tập để bị đơn tham gia hòa giải nhưng bị đơn anh D đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến, không thể tiến hành hòa giải được. Điều này thể hiện trong ý thức của bị đơn không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của vợ chồng, không có tư tưởng muốn được chung sống với nhau để đoàn tụ vợ chồng, không có tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn D có 02 con chung: Cháu Nguyễn Yến Hiền T, sinh ngày 19/02/2008 (Nguyện vọng sống với cha), cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/9/2012. Chị Nguyễn Thị N có nguyện vọng nuôi cháu N và giao cháu T cho anh D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, nguyện vọng của chị Nguyễn Thị N là chính đáng, hợp pháp, trên cơ sở cân nhắc quyền lợi mọi mặt và nguyện vọng của con, đảm bảo con được chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt nhất cả về thể chất và trí tuệ, HĐXX xét thấy cần thiết giao cháu Nguyễn Yến Hiền T cho anh Nguyễn Văn D; giao cháu Nguyễn Yến N cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Không bên nào yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 91, 143, 144, 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, 26, Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1.Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/9/2012 cho chị Nguyễn Thị N; giao cháu Nguyễn Yến Hiền T, sinh ngày 19/02/2008 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

3.Về tiền án phí:

Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003175, ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- UBND phường I, thành phố P.
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Tiến